

HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG
BAN DÂN VẬN

*

Số 77 - CV/BDVHU

V/v báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện
Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008
và 10 năm thực hiện Kết luận số 80-KL/TW
ngày 25/12/2013

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đam Rông, ngày 18 tháng 6 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân huyện,
- Ban Tổ chức Huyện ủy,
- Ban Tuyên giáo Huyện ủy,
- Ban Thường vụ Huyện đoàn,
- Đảng ủy các xã.

Thực hiện Công văn số 726-CV/BDVTU, ngày 17/6/2024 của Ban Dân vận Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc “Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 và 10 năm thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 25/12/2013”, **Ban Dân vận Huyện ủy đề nghị:**

Ủy ban nhân dân huyện, Ban Tổ chức Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện đoàn, Đảng ủy các xã theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng báo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 và 10 năm thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 25/12/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa” (theo đề cương và phụ lục số liệu gửi kèm).

Báo cáo gửi về Ban Dân vận Huyện ủy **trước ngày 28/6/2024** để tổng hợp xây dựng báo cáo trình Ban Thường vụ Huyện ủy.

Đề nghị các địa phương, cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Như kính gửi,
- Lưu BDVHU.

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Quốc Hương

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Sơ kết công tác dân tộc, tôn giáo 6 tháng đầu năm,
phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

1. Kết quả công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc thiểu số

- 1.1. Kết quả thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về công tác dân tộc.
- 1.2. Việc thực hiện công tác an sinh xã hội.
- 1.3. Việc phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo.
- 1.4. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
- 1.5. Kết quả việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.
- 1.6. Nội dung các vụ việc phức tạp phát sinh hiện nay.

2. Kết quả công tác dân vận đối với đồng bào theo tôn giáo

- 2.1. Công tác lãnh, chỉ đạo trong vận động tổ chức, cá nhân tôn giáo tích cực tham gia, chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo, góp phần xây dựng và phát triển tại địa phương, đất nước.
- 2.2. Công tác vận động, đấu tranh với các hoạt động lợi dụng liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.
- 2.3. Nội dung các vụ việc phức tạp phát sinh hiện nay.

3. Đánh giá chung

- 3.1. Ưu điểm.
- 3.2. Hạn chế và nguyên nhân.

4. Đề xuất, kiến nghị.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và 10 năm thực hiện Kết luận 80-KL/TW, ngày 04/3/2013 của Bộ chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW

(Kèm theo Công văn số 77 -CV/BDVHU ngày 18/6/2024 của Ban Dân vận Huyện ủy)

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC SAU 15 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 25-NQ/TW VÀ 10 NĂM THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 80-KL/TW

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Đánh giá về bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, địa phương thời điểm trước khi ban hành Nghị quyết và giai đoạn hiện nay tác động đến thanh niên, thuận lợi, khó khăn...

- Đánh giá về tình hình thanh niên và công tác thanh niên (*số liệu thanh niên trên địa bàn, cơ cấu thanh niên; số liệu đoàn viên; những biến đổi của tình hình thanh niên từ trước khi ban hành Nghị quyết đến giai đoạn hiện nay, những xu hướng, yếu tố tác động lớn đến thanh niên....*).

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT, KẾT LUẬN

1. Công tác học tập, quán triệt và tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết, Kết luận

- Đánh giá việc tổ chức Hội nghị học tập, quán triệt Nghị quyết, Kết luận (nội dung, hình thức tổ chức; số hội nghị được tổ chức; số đảng viên/lượt đảng viên tham gia; tỷ lệ đảng viên được học tập, quán triệt Nghị quyết, Kết luận).

- Đánh giá việc tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết, Kết luận tại cơ quan, tổ chức, địa phương (*đánh giá tác động, sức lan tỏa...*).

2. Việc ban hành văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết, Kết luận

- Việc xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch hành động, thực hiện Nghị quyết, Kết luận tại cơ quan, tổ chức, địa phương.

- Công tác chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết, Kết luận.

3. Công tác kiểm tra, giám sát và sơ kết, tổng kết việc, thực hiện Nghị quyết, Kết luận

Đánh giá công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, Kết luận tại cơ quan, tổ chức, địa phương (*việc xây dựng kế hoạch/chương trình; hình thức kiểm tra, giám sát; số cuộc kiểm tra, giám sát; đánh giá kết quả sau kiểm tra, giám sát; đánh giá việc sơ kết 05 năm, tổng kết 10 năm, 15 năm thực hiện Nghị quyết, Kết luận*).

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa, ý thức công dân, hình thành thể hệ thanh niên giàu lý tưởng, có phẩm chất đạo đức cách mạng, hoài bão, khí phách và năng lực thực tiễn

- Đánh giá công tác tổng kết thực tiễn về thanh niên và công tác thanh niên trong tình hình mới. Việc dự báo xu hướng phát triển, nhận thức, thái độ của thanh niên để kịp thời đề ra các chủ trương, chính sách, giáo dục, bồi dưỡng thanh niên.

- Đánh giá việc đổi mới nội dung và phương thức giáo dục chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho thanh niên.

- Công tác giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử của Đảng và dân tộc, lý tưởng cách mạng cho thanh niên. Việc giáo dục thanh niên trong hoạt động thực tiễn và các phong trào thi đua yêu nước. Việc xây dựng chuẩn mực đạo đức và định hướng giá trị mới cho thanh niên theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; nắm bắt và dự báo tình hình tư tưởng thanh niên; kịp thời đấu tranh, tuyên truyền làm rõ các âm mưu, luận điệu sai trái, giúp thanh niên hiểu và tích cực đấu tranh với âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

- Công tác định hướng của Đảng trong giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống, trong hoạt động văn hóa, văn nghệ hướng thanh niên vươn tới giá trị chân – thiện – mỹ.

- Công tác nắm tình hình định hướng và kiểm tra việc thực hiện công tác thanh niên; phân công đảng viên phụ trách công tác Đoàn, Hội. Công tác gặp gỡ, đối thoại định kỳ của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với thanh niên.

- Đánh giá việc thực hiện nội dung “Kết quả công tác thanh niên, công tác đoàn và phong trào thanh niên là một tiêu chí đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở đảng hàng năm” tại cơ quan, tổ chức, địa phương.

2. Công tác đổi mới giáo dục và đào tạo, tạo cơ hội cho mọi thanh niên được học tập, không ngừng nâng cao trình độ

- Đánh giá việc nâng cao chất lượng giáo dục; đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý nội dung, phương pháp dạy và học hướng tới mục tiêu giáo dục toàn diện về đức – trí – thể – mỹ nhằm hình thành lớp thanh niên có đủ bản lĩnh và năng lực, có tri thức và kỹ năng vươn lên ngang tầm với thanh niên các nước tiên tiến.

- Việc xây dựng cho thanh niên ý thức tự học, học tập suốt đời, phương pháp tư duy sáng tạo, độc lập, khả năng làm việc tập thể, kỹ năng thích nghi và tự tin trong cuộc sống.

- Việc tạo cơ hội cho thanh niên được thụ hưởng chính sách giáo dục, chú trọng tới nữ thanh niên, thanh niên dân tộc thiểu số, thanh niên nông thôn, thanh niên khuyết tật.

- Việc khắc phục tình trạng bỏ học trong thanh thiếu nhi; công tác phổ cập bậc trung học cơ sở cho thanh niên. Chính sách tín dụng ưu đãi cho thanh niên vay để học tập trong các cơ sở đào tạo sau giáo dục phổ thông.

- Việc tạo điều kiện thuận lợi, nguồn lực cho thanh niên học tập ở trong nước và nước ngoài; việc lựa chọn học sinh, sinh viên giỏi, cán bộ trẻ có năng lực để đưa đi đào tạo, bồi dưỡng; công tác giúp đỡ thanh niên học tập ở trong nước và nước ngoài. Công tác tư vấn, lựa chọn ngành học cho học sinh; bố trí, sử dụng thanh niên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

3. Nâng cao chất lượng lao động trẻ, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống thanh niên

- Công tác huy động nguồn lực xã hội, đầu tư ngân sách để dạy nghề, phổ cập sơ cấp nghề cho thanh niên. Việc hoàn thiện chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm; chính sách tín dụng ưu đãi cho các cơ sở dạy nghề, đặc biệt các nghề ứng dụng kỹ thuật cao. Việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng dịch vụ thị trường lao động.

- Đánh giá việc thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho thanh niên vay tạo việc làm, lập nghiệp. Chính sách khuyến khích thanh niên đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.

- Công tác định hướng nghề nghiệp, việc làm cho thanh niên, bảo đảm cơ cấu hợp lý trong đào tạo công nhân kỹ thuật, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học.

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực khoa học – công nghệ có chất lượng cao, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ mới đáp ứng yêu cầu của kinh tế tri thức.

- Công tác dạy nghề cho thanh niên nông thôn, bộ đội xuất ngũ, thanh niên dân tộc thiểu số. Việc giáo dục ý thức kỹ thuật, kỹ năng lao động, tay nghề cho thanh niên đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.

- Việc tạo môi trường để các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất tạo việc làm mới và tăng thu nhập cho thanh niên, cải thiện đời sống, phát triển thị trường lao động lành mạnh, năng động. Việc hỗ trợ chuyển giao tiến bộ khoa học – kỹ thuật, tổ chức sản xuất kinh doanh cho thanh niên nông thôn. Hoạt động biểu dương, tôn vinh thanh niên làm kinh tế giỏi.

4. Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, tạo điều kiện cho thanh niên nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, phát triển toàn diện

- Đánh giá công tác xây dựng chính đồn Đảng gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh góp phần tạo môi trường chính trị và đạo đức lành mạnh củng cố niềm tin cho thanh niên.

- Đánh giá việc giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, nhất là ma túy, mại dâm, mê tín dị đoan, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường sống..., góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, hình thành lối sống văn hóa trong thanh niên.

- Việc khuyến khích, tạo điều kiện để các cơ quan văn hóa, văn học nghệ thuật sáng tác và phổ biến nhiều công trình, tác phẩm có giá trị cao để giáo dục thế hệ trẻ.

- Hoạt động quản lý văn hóa, xử lý các sai phạm, ngăn chặn các sản phẩm không lành mạnh tác động xấu đến thanh niên, nhất là qua Internet và các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đánh giá việc quy hoạch, xây dựng các trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi, trung tâm sinh hoạt dã ngoại, nhà thiếu nhi. Việc tạo cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá - thể thao, phát triển các loại hình giải trí lành mạnh cho thanh niên.

- Đánh giá công tác giáo dục về vai trò, trách nhiệm của thanh niên trong nâng cao chất lượng dân số, hôn nhân và xây dựng gia đình hạnh phúc, nâng cao sức khỏe bản thân; giáo dục tiền hôn nhân, kiến thức và kinh nghiệm sống cho thanh niên.

- Việc thực hiện các chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia về dân số, chăm sóc sức khỏe, phòng, chống HIV/AIDS trong thanh niên.

- Việc đầu tư, đổi mới nội dung giáo dục thể chất trong nhà trường. Việc xã hội hoá các phong trào thể dục, thể thao quần chúng, huy động và tạo điều kiện để thanh niên luyện tập thể dục, thể thao, rèn luyện sức khỏe.

5. Thực hiện chính sách đối với tài năng trẻ, tạo bước chuyển có tính đột phá trong đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ trẻ trên các lĩnh vực

- Đánh giá việc tạo cơ chế, chính sách để các tài năng trẻ tham gia phát triển tại địa phương, đơn vị. Việc bố trí cán bộ trẻ có tài năng đảm nhận các nhiệm vụ quan trọng, phù hợp trong hệ thống chính trị, nâng cao tỉ lệ cán bộ trẻ trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành.

- Đánh giá việc tạo bước đột phá trong việc bố trí, sử dụng cán bộ trẻ cán bộ trong độ tuổi thanh niên ở tất cả các cấp, coi đây là một nội dung quan trọng về công tác cán bộ của Đảng để lựa chọn cán bộ lãnh đạo cho tương lai.

- Việc phát hiện, theo dõi quá trình phát triển các tài năng trẻ, nhất là số học sinh, sinh viên xuất sắc, cá nhân điển hình trong các phong trào thanh niên. Công tác đào tạo để hình thành đội ngũ tài năng trẻ trên mọi lĩnh vực, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Chính sách sử dụng và đãi ngộ để thu hút tài năng trẻ đang học tập, công tác, sinh sống ở trong nước và nước ngoài tham gia phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6. Xây dựng Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, thực sự là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, đội dự bị tin cậy của Đảng

- Đánh giá việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, xây dựng Đoàn thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

- Việc nâng cao sức hấp dẫn các phong trào thanh niên do Đoàn tổ chức, qua đó tạo môi trường giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện, khơi dậy và phát huy tính xung kích của tuổi trẻ, xây dựng các điển hình thanh niên tiên tiến, chăm lo lợi ích chính đáng của thanh niên.

- Công tác phát hiện, lựa chọn đoàn viên ưu tú để bồi dưỡng tạo nguồn kết nạp đảng viên và đào tạo cán bộ trẻ.

- Đánh giá vai trò nòng cốt của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong xây dựng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam vững mạnh; đổi mới phương thức vận động, đa dạng hoá các loại hình tập hợp để thu hút rộng rãi các đối tượng thanh niên; Việc xây dựng lực lượng thanh niên nòng cốt để thành lập tổ chức cơ sở của Đoàn, Hội ở mọi lĩnh vực.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đoàn các cấp thực sự có trình độ năng lực, nhiệt tình, có khả năng vận động quần chúng, độ tuổi sát với tuổi thanh niên, thực sự tiêu biểu trong thanh niên.

- Việc thực hiện quy chế cán bộ đoàn, trách nhiệm các cấp uỷ đảng trong phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, luân chuyển cán bộ đoàn. Việc thực hiện định biên cán bộ đoàn chuyên trách khỏi cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp.

- Việc tạo điều kiện để Đoàn huy động, tổ chức cho thanh niên tham gia thực hiện các nhiệm vụ, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của cơ quan, tổ chức, địa phương.

- Công tác chăm lo xây dựng Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, bảo vệ, chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng. Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác thiếu nhi, chuẩn hóa tổng phụ trách Đội, phụ trách thiếu nhi trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, nhà thiếu nhi.

7. Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế - xã hội và gia đình cùng phối hợp giáo dục, bồi dưỡng, phát huy thanh niên

- Đánh giá việc phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác thanh niên. Đánh giá nội dung mỗi tổ chức chính trị - xã hội phải có chương trình cụ thể về công tác thanh niên, quy chế phối hợp hoạt động với Đoàn và các tổ chức thanh niên, chú trọng công tác nữ thanh niên; phân công cán bộ làm công tác thanh niên; Công tác vận động đoàn viên, hội viên thuộc tổ chức chính trị - xã hội tham gia tập hợp, giáo dục thanh thiếu nhi...

- Đánh giá việc tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên.

- Công tác phối hợp giữa các tổ chức chính trị - xã hội, các bậc lão thành cách mạng, các nhà hoạt động văn hóa xã hội, nhân sĩ, trí thức, Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, doanh nghiệp và gia đình với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh để chăm lo giáo dục, xây dựng ước mơ, hoài bão, bồi dưỡng và phát huy thanh niên.

- Việc phát huy trách nhiệm của gia đình trong giáo dục, quản lý thanh niên, xây dựng gia đình hạnh phúc, là môi trường quan trọng hình thành nhân cách, giáo dục ý thức công dân, giữ gìn và phát huy truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc cho thanh thiếu nhi.

8. Phát huy sự nỗ lực phấn đấu của mỗi thanh niên trong học tập, lao động và cuộc sống; không ngừng rèn luyện đạo đức, lối sống, hoàn thiện nhân cách, trở thành công dân hữu ích, thành viên tốt trong gia đình, tích cực đóng góp cho sự phát triển đất nước

- Đánh giá việc rèn luyện, phấn đấu, vươn lên trong học tập, lao động và cuộc sống của thanh niên; Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của thanh niên với Tổ quốc, tham gia vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần xây dựng quê hương, đất nước tại cơ quan, tổ chức, địa phương.

- Đánh giá việc học tập, nâng cao trình độ, kiến thức chuyên môn, tay nghề của thanh niên; Tinh thần vươn lên lập thân, lập nghiệp, làm giàu chính đáng của thanh niên tại cơ quan, tổ chức, địa phương.

- Đánh giá việc rèn luyện đạo đức, lối sống, nếp sống văn minh, giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc của thanh niên. Việc rèn luyện, nâng cao sức khỏe, trở thành công dân hữu ích, thành viên tốt của gia đình; hăng hái tham gia các hoạt động cộng đồng.

- Đánh giá tinh thần xung kích, tình nguyện, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; đảm nhận những việc khó khăn, gian khổ khi Đảng, Tổ quốc và nhân dân yêu cầu của thanh niên tại cơ quan, tổ chức, địa phương.

9. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thanh niên và công tác thanh niên

- Đánh giá việc thành lập Hội đồng công tác thanh niên ở tỉnh; kết quả thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh niên.

- Việc xác định chỉ số về thanh niên và công tác thanh niên trong chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các cơ quan, tổ chức, địa phương.

- Đánh giá vai trò giám sát và phản biện xã hội của Đoàn, các tổ chức thanh niên đối với việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chủ trương chính sách về thanh niên, công tác thanh niên.

- Việc thực hiện Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật Trẻ em, tạo điều kiện để thiếu nhi phát triển toàn diện, trở thành những thanh niên tốt.

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Luật Thanh niên, Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Việc cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước trong giáo dục, bồi dưỡng phát huy thanh niên.

- Đánh giá việc sửa đổi, bổ sung Luật Thanh niên phù hợp với tình hình mới. Việc ban hành Luật Việc làm.

- Việc tham mưu, ban hành cơ chế, chính sách để giải quyết chỗ ở, nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao cho thanh niên làm việc tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và học sinh, sinh viên đang học tập.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

2. Nguyên nhân của hạn chế

2.1. Nguyên nhân chủ quan

2.2. Nguyên nhân khách quan

3. Bài học kinh nghiệm

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ NGHỊ QUYẾT SỐ 25-NQ/TW, KẾT LUẬN 80-KL/TW TRONG THỜI GIAN TỚI

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Các nhân tố trong và ngoài nước, xu thế hội nhập, mặt trái của kinh tế thị trường, ảnh hưởng của khoa học, công nghệ, công nghệ số, mạng xã hội, những biến đổi của thanh niên... tác động đến sự lãnh đạo của Đảng đối với thanh niên trong thời kỳ mới (cả mặt tích cực và tiêu cực).

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 25-NQ/TW, KẾT LUẬN 80-KL/TW TRONG THỜI GIAN TỚI

Đề ra những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, hiệu quả để tiếp tục thực hiện những mục tiêu đã đề ra; trong đó, cần nhấn mạnh đến những giải pháp mang tính đột phá ở từng giai đoạn, những mô hình sau 15 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW cần được nhân rộng.

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

PHỤ LỤC SỐ LIỆU

Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và 10 năm thực hiện Kết luận 80-KL/TW, ngày 04/3/2013 của Bộ chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW

(Kèm theo Công văn số 77 -CV/BDVHU ngày 18 /6/2024 của Ban Dân vận Huyện ủy)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

| STT | Nội dung | Số liệu | | | Ghi chú |
|-----|--|----------|----------|--------------------|---------|
| | | Năm 2018 | Năm 2013 | Tính đến 31/5/2024 | |
| 1 | Số liệu tổng quan về thanh niên ¹ | | | | |
| 1.1 | Số thanh niên trong độ tuổi | | | | |
| | - Nam thanh niên | | | | |
| | - Nữ thanh niên | | | | |
| | - Thanh niên đô thị | | | | |
| | - Thanh niên nông thôn | | | | |
| | - Thanh niên học sinh, sinh viên | | | | |
| | - Thanh niên trong lực lượng vũ trang | | | | |
| | - Thanh niên dân tộc | | | | |
| | - Thanh niên tín đồ tôn giáo | | | | |
| 1.2 | Số đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh | | | | |
| 1.3 | Số đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam trong độ tuổi thanh niên | | | | |
| 1.4 | Số lượt thanh niên tham gia các hoạt động tình nguyện | | | | |
| 1.5 | Chiều cao trung bình của thanh niên | | | | |
| 1.6 | Cân nặng trung bình của thanh niên | | | | |
| 1.7 | Số thanh niên mắc tệ nạn xã hội | | | | |

¹ Thuật ngữ “thanh niên” được đánh giá, thống kê trong báo cáo, phụ lục số liệu là “công dân Việt Nam từ đủ 16 đến 30 tuổi” theo quy định tại Điều 1, Luật Thanh niên năm 2020.

| | | | | | |
|-----|--|--|--|--|--|
| 1.8 | Số người vi phạm pháp luật là thanh thiếu niên | | | | |
|-----|--|--|--|--|--|

| STT | Nội dung | Số lượng | Ghi chú |
|----------|--|----------|---------|
| 2 | Dự báo tình hình thanh niên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 | | |
| 2.1 | Số thanh niên trong độ tuổi | | |
| 2.2 | Tỷ lệ nam thanh niên/nữ thanh niên | | |
| 2.3 | Chiều cao trung bình của thanh niên | | |
| 2.4 | Cân nặng trung bình của thanh niên | | |
| 2.5 | Trình độ học vấn của thanh niên | | |
| | - Tỷ lệ thanh niên tốt nghiệp THPT/tổng số thanh niên | | |
| | - Tỷ lệ thanh niên tốt nghiệp đại học, cao đẳng/tổng số thanh niên | | |
| 2.6 | Tỷ lệ thanh niên thất nghiệp và thiếu việc làm/tổng số thanh niên | | |
| 2.7 | Tỷ lệ thanh niên mắc tệ nạn xã hội/tổng số thanh niên | | |
| 2.8 | Tỷ lệ thanh niên vi phạm pháp luật/tổng số thanh niên | | |

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT, KẾT LUẬN

| STT | Nội dung | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--|----------|---------|
| 1 | Tổ chức quán triệt, triển khai trong các cấp ủy đảng | | |
| | Số lượng chương trình hành động, đề án thực hiện Nghị quyết, Kết luận của cấp ủy cấp tỉnh | | |
| | Số lượng Nghị quyết, Kết luận chuyên đề về công tác thi đua cấp tỉnh | | |
| | Số lượng cấp ủy/tổng số cấp ủy đảng được học tập, quán triệt, triển khai Nghị quyết, Kết luận | | |
| | Số lượng đảng viên được học tập, triển khai Nghị quyết, Kết luận/tổng số đảng viên | | |
| | Số đợt kiểm tra, đôn đốc, giám sát của cấp ủy cấp tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Kết luận | | |
| | Số cấp ủy được kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Kết luận | | |
| | Số lượng các cấp ủy đảng đã tổ chức sơ kết 5 năm, tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 25 | | |
| 2 | Triển khai thực hiện ở các cấp bộ đoàn | | |
| | Số lượng cán bộ đoàn/tổng số cán bộ đoàn được học tập, quán triệt, triển khai Nghị quyết, Kết luận | | |
| | Số lượng đoàn viên/tổng số đoàn viên được học tập, quán triệt Nghị quyết, Kết luận | | |
| | Số đợt kiểm tra, giám sát của Đoàn cấp tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Kết luận | | |

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT, KẾT LUẬN

| STT | Nội dung | Số lượng | Ghi chú |
|-----|---|----------|---------|
| 1 | Công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa, ý thức công dân | | |
| 1.1 | Số đề tài nghiên cứu khoa học về thanh niên và công tác thanh niên | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | + Cấp Nhà nước | | |

| | | | |
|-----|---|--|--|
| | + Cấp bộ | | |
| | + Cấp cơ sở | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | + Cấp Nhà nước | | |
| | + Cấp bộ | | |
| | + Cấp cơ sở | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| | + Cấp Nhà nước | | |
| | + Cấp bộ | | |
| | + Cấp cơ sở | | |
| 1.2 | Tuyên dương gương điển hình tiên tiến học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh | | |
| | - Tổng số | | |
| | - Tổng số thanh niên được tuyên dương | | |
| 1.3 | Số cấp ủy, chính quyền gặp mặt, đối thoại với thanh niên hàng năm | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | + Cấp tỉnh | | |
| | + Cấp huyện | | |
| | + Cấp xã | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | + Cấp tỉnh | | |
| | + Cấp huyện | | |
| | + Cấp xã | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| | + Cấp tỉnh | | |
| | + Cấp huyện | | |
| | + Cấp xã | | |
| 2 | Đổi mới giáo dục và đào tạo, tạo cơ hội cho mọi thanh niên được học tập, không ngừng nâng cao trình độ | | |
| 2.1 | Số lượng thanh niên du học nước ngoài | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| 2.2 | Số ký túc xá được đầu tư xây mới từ năm 2008 đến 31/5/2024 | | |
| 2.3 | Số học sinh, sinh viên được vay vốn tín dụng phục vụ học tập | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| 2.4 | Số lượng đề tài khoa học do thanh niên làm chủ nhiệm | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |

| | | | |
|----------|---|--|--|
| 3 | Nâng cao chất lượng lao động trẻ, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống thanh niên | | |
| 3.1 | Số thanh niên được tư vấn, hướng nghiệp | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| | Số thanh niên được học nghề | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| | Số thanh niên được giải quyết việc làm | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| | Số thanh niên thất nghiệp và không có việc làm ổn định | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| 3.2 | Số lượng thanh niên là chủ doanh nghiệp, trang trại, hợp tác xã | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| 3.3 | Số lượng thanh niên đi lao động ở nước ngoài | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| 3.4 | Số dư nợ vốn vay cho thanh niên phát triển kinh tế | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| | Số thanh niên được vay vốn phát triển kinh tế | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| 4 | Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, tạo điều kiện cho thanh niên nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, phát triển toàn diện | | |
| 4.1 | Số lượng Cung thiếu nhi, Nhà văn hóa thiếu nhi các cấp | | |
| | - Cấp tỉnh | | |
| | - Cấp huyện | | |
| | - Cấp xã | | |
| 4.2 | Số điểm vui chơi giải trí cho thanh thiếu nhi cấp xã/tổng số xã, phường, thị trấn | | |
| | - Năm 2008: | | |

| | | | |
|-----|---|--|--|
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| 4.3 | Số nhà lưu trú cho thanh niên công nhân/tổng số thanh niên công nhân | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| 4.4 | Số lượng nhà ở xã hội | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| 5 | Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, thực sự là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, đội dự bị tin cậy của Đảng | | |
| 5.1 | Số lượng cán bộ đoàn tham gia cấp ủy các cấp | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| 5.2 | Số lượng cán bộ trẻ tham gia HĐND các cấp | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| 5.3 | Tỷ lệ đảng viên là đoàn viên/tổng số đảng viên | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| 5.4 | Tỷ lệ thanh niên được kết nạp vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| 5.5 | Tỷ lệ đoàn kết tập hợp thanh niên | | |
| | - Năm 2008: | | |
| | - Năm 2013: | | |
| | - Tính đến 31/5/2024: | | |
| 5.6 | Số lượng đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (Tính đến 31/5/2024) | | |
| 5.7 | Số lượng Hội viên Hội LHTN Việt Nam (Tính đến 31/5/2024) | | |
| | Số lượng Hội viên Hội Sinh viên Việt Nam (Tính đến 31/5/2024) | | |
| | Số lượng Hội viên Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam (Tính đến 31/5/2024) | | |
| | Số lượng Hội viên Hội Thầy thuốc trẻ Việt Nam (Tính đến 31/5/2024) | | |
| 6 | Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thanh niên và công | | |

| | | | |
|-----|---|--|--|
| | tác thanh niên | | |
| 6.1 | Thành lập Hội đồng công tác thanh niên (cấp tỉnh) | | |
| | <i>Đã thành lập</i> | | |
| | <i>Chưa thành lập</i> | | |
| 6.2 | Số đơn vị cấp huyện thành lập bộ phận theo dõi công tác thanh niên thuộc phòng nội vụ | | |
| 6.3 | Số lượng biên chế cán bộ chuyên trách làm công tác thanh niên | | |

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THANH NIÊN

| STT | Nội dung | Số lượng | Ghi chú |
|----------|--|----------|---------|
| 1 | Các cấp chính quyền/tổng số đơn vị có văn bản triển khai chiến lược phát triển thanh niên | | |
| | - Cấp tỉnh | | |
| | - Cấp huyện | | |
| | - Cấp xã | | |
| 2 | Ngân sách nhà nước cấp (đơn vị: triệu đồng) | | |
| | - Chi cho chương trình, dự án của thanh niên tình nguyện, trí thức trẻ tình nguyện | | |
| | - Chi cho công trình thanh niên, phần việc thanh niên | | |
| | - Chi cho các đề tài nghiên cứu khoa học của thanh niên | | |
| | - Chi cho các giải thưởng tuyên dương thanh niên | | |
| | - Chi cho xây dựng các công trình vui chơi, giải trí, thể dục thể thao cho thanh niên | | |
| | - Chi cho hoạt động dạy nghề thanh niên | | |
| | - Chi hỗ trợ cho thanh niên học tập | | |
| | - Chi hỗ trợ khác | | |
| 3 | Thực hiện chính sách cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự | | |
| | Số thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự chưa được dạy nghề | | |
| | Số thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự được dạy nghề | | |
| | Số thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự chưa được giải quyết việc làm | | |
| | Số thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự được giải quyết việc làm | | |

V. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN TRIỂN KHAI, CỤ THỂ HÓA VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 25-NQ/TW, KẾT LUẬN 80-KL/TW TỪ NĂM 2008 ĐẾN NAY

| STT | Số ký hiệu | Ngày, tháng năm ban hành | Tên văn bản, trích dẫn các nội dung có liên quan |
|-----|------------|--------------------------|--|
| | | | |
| | | | |
| | | | |

VI. DANH MỤC CÁC MÔ HÌNH HAY, CÁCH LÀM TIÊU BIỂU VỀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THANH NIÊN THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

| STT | Tên mô hình | Thời gian triển khai | Quá trình triển khai và kết quả đạt được |
|-----|-------------|----------------------|--|
| | | | |
| | | | |
| | | | |